

PHÂN TÍCH CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN RỪNG TRỒNG QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH, TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU ĐIỂM TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Hoàng Tiệp¹, Võ Đại Hải²

¹Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững

²Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm hệ thống hóa các chính sách liên quan đến quản lý và phát triển rừng trồng hộ gia đình (HGD) được ban hành ở cấp Trung ương (TW) và liên hệ thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích chính sách, kết hợp với khảo sát và phỏng vấn các cán bộ quản lý, các chủ rừng tại địa phương. Kết quả cho thấy có 35 văn bản, chính sách đã được ban hành bởi các cơ quan ở cấp TW, trong đó Chính sách đất đai và hưởng dụng rừng (14 văn bản); Chính sách khoa học công nghệ và khuyến lâm (9 văn bản); Chính sách tín dụng, đầu tư, thuế và phí (12 văn bản). Các chính sách này đã tạo hành lang pháp lý để giao đất, giao rừng cho HGD, tạo ra và đưa vào sản xuất các giống mới có năng suất cao cho HGD sử dụng, huy động các nguồn lực để hỗ trợ HGD phát triển rừng trồng sản xuất. Kết quả là đến năm 2020, đã có 1,87 triệu ha rừng trồng đang được quản lý, sử dụng bởi các HGD. Thực hiện các chủ trương, chính sách ban hành ở cấp TW, tỉnh Quảng Trị cũng đã có nhiều các chủ trương, hỗ trợ và thúc đẩy phát triển rừng trồng sản xuất HGD như tăng cường giao đất giao rừng, thu hồi đất của các tổ chức sử dụng không hiệu quả để giao cho HGD, tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng nguồn giống,... Tuy nhiên, các chính sách còn nhiều khoảng trống cần phải được cải thiện trong thời gian tới như diện tích đất đai của HGD manh mún, nhỏ lẻ, thiếu sự liên kết giữa HGD và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, HGD còn sử dụng giống chưa được kiểm soát chất lượng, nguồn gốc và chủ yếu trồng rừng gỗ nhỏ, còn ít quan tâm đến trồng rừng thâm canh gỗ lớn,... Bài báo đã đề xuất định hướng sửa đổi các chính sách và giải pháp thúc đẩy phát triển, nâng cao năng suất, hiệu quả rừng trồng sản xuất HGD.

Từ khóa: Rừng trồng, hộ gia đình, chính sách, tỉnh Quảng Trị

Analyzing policies to promote household plantation, case study in Quang Tri province

This study was conducted in order to systematize policies related to the management and development of household plantations which issued at the central level government and how they are applied to practice in Quang Tri province. The study used a policy review method, combined with surveys and interviews with local forest management staffs. The results show that there are 35 documents and policies have been issued by government agencies at the central level, including the policy related to land and forest use (14 documents); policy related to science, technology and forestry extension (9 documents); policy related to credit, investment, tax and fee (12 documents). These policies have created a legal framework to allocate land and forests to households, create and bring to the field new and high-yield varieties for households to plant, and mobilize resources to support household plantation development. As a result, by 2020, there is about 1.87

Keywords: Plantation, household, policy, Quang Tri province

million hectares of planted forests are being managed and used by households. Implementing the guidelines and policies issued at the central level, Quang Tri province has been released many guidelines and policy to supports and promotes the development of household production plantations such as enhancing forest land allocation, forest allocation for household; transferring forest land which is inefficient use by organizations to households; controlling and improving quality of seedling sources, etc. However, policies still have many gaps that need to be filled out in the coming time such as forest land of households is fragmented, small; lacks of the link between households and enterprises along the value chain, the household still uses varieties that have not been controlled; households are mainly planting forest for small size timber and not much attention to sawlog plantation, etc. The article has proposed orientations to amend policies and solutions to promote development, improve productivity and efficiency of household plantations.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chủ rừng là hộ gia đình (HGD) hiện đang quản lý 1,87 triệu ha rừng trồng, chiếm 43% tổng diện tích rừng trồng cả nước (Bộ NN&PTNT, 2021). Thu nhập từ rừng trồng giữ vai trò quan trọng trong sinh kế của 1,4 triệu HGD vùng nông thôn miền núi. Bên cạnh đó, nguồn gỗ cung cấp từ rừng trồng góp phần lớn vào tổng sản lượng gỗ rừng trồng khai thác hàng năm (khoảng 28 triệu m³/năm). So với thời điểm năm 1994 khi bắt đầu thực hiện việc giao đất cho HGD để sử dụng lâu dài vào mục đích lâm nghiệp thì đây là một bước tiến rất lớn. Đạt được những kết quả như hiện nay phải kể đến các chính sách của Nhà nước đã ban hành và thực hiện đồng bộ trong suốt nhiều năm qua. Mặc dù vậy, các chính sách liên quan đến rừng trồng HGD cũng bộc lộ nhiều rào cản, bất cập cần phải tiếp tục tháo gỡ thúc đẩy rừng trồng HGD phát triển cả về chất và lượng trong thời gian tới.

Tỉnh Quảng Trị có 345 nghìn ha rừng và đất lâm nghiệp, trong đó có 61 nghìn ha rừng trồng sản xuất, hơn 32 nghìn ha trong số này đang được quản lý, sử dụng bởi các HGD. Để thúc đẩy phát triển sản xuất lâm nghiệp HGD, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Trị cũng đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách và giải pháp để thúc đẩy và nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng HGD trên địa bàn tỉnh.

Để thấy rõ hơn những tác động của các chính sách, trong đó có thành công và những mặt còn tồn tại nhằm góp phần đề xuất các giải pháp thúc đẩy quản lý rừng trồng bền vững quy mô HGD trên cả nước nói chung và ở tỉnh Quảng Trị nói riêng, bài báo này hệ thống, phân tích các chính sách đã được ban hành có liên quan đến phát triển rừng trồng HGD, đánh giá việc triển khai thực hiện tại tỉnh Quảng Trị và đề xuất định hướng sửa đổi các chính sách trong thời gian tới.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Ở cấp TW: Các luật, nghị định, nghị quyết, quyết định, thông tư liên quan đến phát triển rừng trồng sản xuất nói chung và rừng trồng sản xuất hộ gia đình nói riêng được ban hành bởi Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ NN&PTNT và các bộ, ngành ở Trung ương; Tổng số có 35 văn bản được phân tích và đánh giá.
- Ở tỉnh Quảng Trị: Các quyết định, nghị quyết ban hành bởi UBND tỉnh Quảng Trị, Sở NN&PTNT, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Trị,... Tổng số có 11 văn bản được phân tích và đánh giá.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thu thập các văn bản quy phạm pháp luật ở Trung ương và tỉnh Quảng Trị có liên quan đến phát triển rừng trồng sản xuất nói chung và rừng trồng sản xuất hộ gia đình nói riêng. Các chính sách được rà soát, đánh giá theo 3 thuộc tính là: i) Những nội dung có liên quan đến phát triển rừng trồng sản xuất hộ gia đình; ii) Những mặt tích cực đối với phát triển rừng trồng sản xuất hộ gia đình và iii) Những tồn tại, hạn chế liên quan đến phát triển rừng trồng sản xuất hộ gia đình. Các chính sách được chia thành 3 nhóm sau: a) Đất đai và hưởng dụng rừng, b) Khoa học công nghệ và khuyến lâm, c) Chính sách tín dụng, đầu tư, thuế và phí.

- Đối với các chính sách tại tỉnh Quảng Trị, tiến hành làm việc với Sở NN&PTNT, Chi

cục Kiểm lâm tỉnh và các đơn vị liên quan để thu thập các văn bản, quy định có liên quan và kết quả thực hiện trồng rừng sản xuất hộ gia đình. Trên cơ sở phỏng vấn các cán bộ có liên quan, tiến hành phân tích nội dung và tác động của các văn bản này đến phát triển trồng rừng sản xuất hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Chính sách ban hành bởi các cơ quan ở cấp Trung ương

3.1.1. Chính sách đất đai và hưởng dụng rừng

Các chính sách đất đai, hưởng dụng rừng có liên quan đến phát triển rừng tái sản xuất (RTSX) HGD được tổng hợp ở bảng 1.

Bảng 1. Chính sách đất đai, hưởng dụng rừng có liên quan đến phát triển RTSX HGD

| TT | Tên văn bản | Nội dung liên quan đến rừng trồng HGD | Những mặt tích cực đối với trồng RSX HGD | Những mặt còn tồn tại |
|----|---|--|---|--|
| 1 | NĐ 02/CP ngày 15/1/ 1994 của CP Quy định về việc giao đất lâm nghiệp (LN) cho tổ chức, HGD, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp | - Nhà nước giao đất LN để HGD sử dụng ổn định lâu dài; - Khuyến khích HGD nhận đất để trồng rừng; đảm bảo các chính sách hỗ trợ. | Tạo nền tảng cơ sở pháp lý để giao đất LN cho HGD sử dụng lâu dài. | Tốc độ triển khai chậm, tại thời điểm triển khai chưa hấp dẫn HGD nhận đất trồng rừng. |
| 2 | NĐ 01/CP ngày 01/1/1995 của Chính phủ Quy định về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước. | - HGD được giao khoán đất lâm nghiệp từ chủ rừng là tổ chức; - Đất rừng sản xuất (RSX) đã trồng rừng từ vốn của Nhà nước: giao khoán đất kết hợp với giao khoán rừng trồng; - Đất RSX chưa có rừng: HGD bán sản phẩm cho bên giao khoán theo hợp đồng. | Tạo điều kiện cho các HGD có đất để trồng rừng và hợp tác với lâm trường trong đầu tư trồng rừng. | - Thời gian giao khoán theo chu kỳ kinh doanh, HGD phải bán sản phẩm cho bên giao khoán làm giảm tính chủ động của HGD. |
| 3 | QĐ số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ | - HGD sống tại địa phương được ưu tiên giao, cho thuê đất trồng RSX; thời hạn giao 50 năm và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi giao. - HGD đầu tư trồng RSX được tự quyết định loài cây; thời điểm và phương thức khai thác rừng. | Chính sách giao đất, hỗ trợ đầu tư trồng rừng đã huy động sự tham gia mạnh mẽ của HGD vào công tác trồng rừng sản xuất. | Hồ sơ thanh quyết toán dự án nhiều nơi chưa hoàn thiện hoặc thất lạc dẫn đến nhiều diện tích rừng của HGD quá tuổi thành thực nhưng chưa được khai thác. |

| TT | Tên văn bản | Nội dung liên quan đến rừng trồng HGD | Những mặt tích cực đối với trồng RSX HGD | Những mặt còn tồn tại |
|----|--|--|--|--|
| 4 | NĐ số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 về giao đất, cho thuê đất LN cho tổ chức, HGD và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích LN | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước giao đất LN không thu tiền sử dụng đất cho HGD, thời hạn 50 năm, hạn mức 30 ha, được cấp giấy chứng nhận QSD đất; nếu vượt quá hạn mức sẽ chuyển sang thuê; - HGD được góp vốn bằng giá trị QSD đất để hợp tác sản xuất kinh doanh; | <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian giao đất dài, phù hợp với SX LN, đảm bảo cho HGD yên tâm đầu tư trồng rừng; - Có hạn mức giao đất rõ ràng; tạo khung ưu đãi, miễn giảm thuế để thu hút đầu tư trồng RSX. | Hạn mức 30 ha là thấp, chưa tạo được rừng trồng HGD có diện tích lớn để kêu gọi đầu tư và thâm canh; sản xuất manh mún, nhỏ lẻ. |
| 5 | QĐ số 178/2001/QĐ-TTg, ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ | <ul style="list-style-type: none"> - HGD được giao đất LN chưa có rừng thuộc quy hoạch RSX: i) Được hỗ trợ kinh phí trồng rừng; ii) Nếu tự bỏ vốn trồng rừng thì được quyền tự quyết định kinh doanh, khai thác; - HGD nhận khoán trồng RSX: i) được cấp kinh phí trồng, chăm sóc, BVR; ii) Được trồng xen cây nông nghiệp; iii) Nếu tự bỏ vốn trồng rừng được hưởng 95% giá trị sản phẩm. | Đã tạo ra cơ sở rõ ràng về quyền hưởng lợi của HGD được giao, thuê và nhận khoán rừng. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều điểm trong Quyết định không thể triển khai được trong thực tiễn; - Công thức tính toán phân chia lợi ích quá phức tạp để chủ rừng có thể hiểu đầy đủ và áp dụng. |
| 6 | Luật Đất đai sửa đổi 2003 | <ul style="list-style-type: none"> - Giao đất RSX không thu tiền sử dụng đất cho HGD trực tiếp lao động nông, lâm nghiệp, hạn mức ≤ 30 ha, thời hạn tối đa 50 năm; - HGD được giao đất RSX được quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp và góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất. | Bổ sung các cơ sở pháp lý quan trọng để thúc đẩy việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đất rừng của HGD. | Triển khai chậm; tạo sự manh mún trong sản xuất của HGD. |
| 7 | Nghị định 135 ngày 8 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về việc giao khoán đất RSX trong các lâm trường quốc doanh (LTQD) cho các HGD. | LTQD khoán cho HGD theo 3 mô hình khoán: i) LTQD đầu tư 100%, HGD thực hiện trồng, chăm sóc, BVR; ii) LTQD đầu tư vốn; cây giống, phân bón; chỉ đạo kỹ thuật; hỗ trợ BVR; HGD thực hiện trồng, đầu tư chăm sóc và BVR; iii) HGD tự bỏ vốn trồng, chăm sóc, BVR; cung cấp cây giống và dịch vụ kỹ thuật. | <ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra cơ chế để các LTQD khoán cho HGD; - Ăn chia theo sản phẩm giúp nâng cao năng suất rừng; - Lâm trường đồng hành cùng HGD trong đầu tư, chăm sóc rừng, đặc biệt là về giống và kỹ thuật. | <ul style="list-style-type: none"> - Chưa hưởng đến người nghèo và dân tộc thiểu số cần đất để trồng RSX; - Thời gian khoán dài (50 năm) nên giám sát, đánh giá kết quả thực hiện khoán của HGD còn hạn chế. |
| 8 | Luật Bảo vệ và Phát triển rừng 2004 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước giao RSX không thu tiền sử dụng đất và cho thuê RSX trả tiền hàng năm đối với HGD; Chủ rừng tự bỏ vốn trồng, chăm sóc, BVR thì được tự quyết định việc khai thác; - HGD được giao đất để trồng RSX, được giao RSX là rừng trồng được khai thác rừng theo quy định; được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng giá trị RSX là rừng trồng. | Quy định về thế chấp đất rừng kỳ vọng tháo gỡ vốn cho HGD để vay vốn đầu tư trồng rừng. | Chậm cấp giấy chứng nhận quyền SDD, Thiếu hướng dẫn cụ thể về thế chấp đất và rừng nên HGD khó vay vốn. |

| TT | Tên văn bản | Nội dung liên quan đến rừng trồng HGD | Những mặt tích cực đối với rừng RSX HGD | Những mặt còn tồn tại |
|----|---|--|---|--|
| 9 | Nghị quyết số 30a ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo | - HGD được giao RSX được hỗ trợ giống cây lâm nghiệp từ 02 - 05 triệu đồng/ha; - Hộ nghèo nhận khoán chăm sóc, BVR, được giao rừng, giao đất để trồng RSX được trợ cấp gạo, hỗ trợ 5 triệu đồng/ha/hộ; được hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay để trồng RSX. | Thúc đẩy các hộ nghèo trồng rừng sản xuất. | UBND xã lập danh sách hỗ trợ để huyện phê duyệt và mua vật tư hỗ trợ, nhiều nơi hỗ trợ chưa đúng đối tượng, nhu cầu, chất lượng cây giống chưa đảm bảo. |
| 10 | Quyết định 57/QĐ-TTg ngày 9/1/2012 Phê duyệt kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 | Đẩy mạnh việc giao rừng ổn định lâu dài cho các HGD. Những diện tích rừng do UBND xã đang quản lý, tổ chức giao hoặc cho HGD thuê. | Giao rừng cho HGD được đẩy mạnh. 70% diện tích RSX được giao cho các đối tượng không phải tổ chức của Nhà nước, chủ yếu là HGD. | Thiếu hướng dẫn, thủ tục không đồng bộ nên triển khai giao cho HGD chậm. |
| 11 | Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 9/11/2013 của Quốc hội. | - HGD được giao đất, công nhận quyền SDD trồng cây lâu năm, đất RSX, đất trồng đồi núi trọc và thuê đất nông nghiệp không quá 50 năm; - Hạn mức giao đất RSX, RPH cho HGD là 30 ha mỗi loại rừng; nếu quá định mức sẽ chuyển sang thuê. | Là cơ sở pháp lý rõ ràng về quyền SDD rừng của HGD, tạo điều kiện cho HGD yên tâm đầu tư trồng rừng. | Hạn mức giao đất RSX cho HGD thấp, chưa tạo rừng HGD diện tích lớn để thu hút đầu tư, thâm canh. |
| 12 | Nghị định 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của CP quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý, Rừng đặc dụng, Rừng phòng hộ và Công ty TNHH MTV Nông, Lâm nghiệp | - Nếu bên nhận khoán thực hiện đúng hợp đồng khoán, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng thì được tiếp tục nhận khoán đến hết thời hạn theo hợp đồng đã ký; - Khoán cho HGD không quá 30 ha; Thời gian khoán không quá 20 năm. | - Tạo cơ chế để HGD tiếp tục nhận khoán; - Ưu tiên HGD nghèo, dân tộc thiểu số; - Quy định cụ thể hình thức khoán cho từng loại rừng; đề cập đến chia sẻ lợi ích cho HGD. | - Thời gian xét duyệt, thẩm định, phê duyệt phương án kéo dài, chậm tiến độ; - Chưa có chính sách đảm bảo hài hòa về lợi ích giữa hộ dân nhận khoán RPH và RSX. |
| 13 | Luật Lâm nghiệp 2017 | HGD được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để trồng RSX: i) Được sở hữu cây trồng, tài sản khác đầu tư; được khai thác lâm sản là rừng trồng; được chia sẻ lợi ích từ rừng trong trường hợp trồng rừng bằng vốn ngân sách Nhà nước; ii) Được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê RSX là rừng trồng; thế chấp, góp vốn bằng giá trị RSX là rừng trồng. | Quyền của HGD với RSX được quy định rõ ràng, đặc biệt là các quyền thừa kế, thế chấp, góp vốn. | Chưa đồng bộ hóa việc giao đất gắn với giao rừng cho HGD. |
| 14 | Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp | - RSX là RT do chủ rừng tự đầu tư thì được hưởng toàn bộ giá trị lâm sản; do ngân sách đầu tư thì chủ rừng được hưởng toàn bộ giá trị lâm sản sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính; - HGD đã được giao rừng, thuê rừng nhưng chưa được giao đất, thuê đất hoặc chưa được công nhận quyền SDD cung cấp thông tin cho cơ quan TN&MT các cấp hoàn thiện hồ sơ giao đất, cho thuê đất. - HGD được sử dụng toàn bộ số tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) để quản lý bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao đời sống. | - Đồng bộ hóa hồ sơ giao rừng thuê rừng với giao đất, thuê đất. - Làm rõ hơn quyền lợi và trách nhiệm của HGD. | |

Như vậy, có thể thấy trong giai đoạn 1990 - 2021 có 14 văn bản đề cập đến đất đai và hưởng dụng rừng có liên quan đến phát triển rừng sản xuất (RSX) HGD, bao gồm 4 luật, 6 nghị định, 1 nghị quyết của Chính phủ và 4 quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Những chính sách này đã có tác động tích cực đến HGD trồng rừng như sau:

- Đã tạo hành lang pháp lý cho việc giao đất, khoán rừng cho HGD để đầu tư trồng rừng, cải thiện sinh kế. Đất đai là tư liệu sản xuất cơ bản cần phải được giao có chủ thực sự - là điểm mấu chốt nhất để thu hút HGD tham gia và xã hội hóa nghề rừng. Bước qua khỏi thời kỳ bao cấp và kế hoạch hóa tập trung, theo thời gian các Nghị định 02/CP (1994), Nghị định 01/CP (1995), Nghị định 163/CP (1999), Luật Đất đai sửa đổi (2003), Luật BV&PTR (2004), Luật Lâm nghiệp (2017) đã dần tháo gỡ được các bế tắc về đất đai để trồng rừng cho HGD.
- Các chính sách giao đất giao rừng (GDGR) được coi là động lực quan trọng cho việc phát triển rừng trồng, đặc biệt là rừng trồng HGD ở nước ta. Nhiều ý kiến cho rằng diện tích rừng trồng, đặc biệt là rừng trồng là RSX tăng rất nhanh trong những năm gần đây là bởi GDGR đã tạo ra động lực cho các HGD đầu tư vào trồng rừng, từ đó góp phần làm gia tăng độ che phủ của rừng (Tô Xuân Phúc và Trần Hữu Nghị, 2014). Giao đất tạo động lực cho mở rộng diện tích rừng trồng (Meyfroidt and Lambin, 2009).
- Khuyến khích HGD tham gia bằng cơ chế hưởng lợi và nâng cao hiệu quả kinh tế HGD. Cơ chế hưởng lợi của HGD được nhận giao,

khoán rừng ngày càng được làm rõ thông qua các Nghị định 178/2001/QĐ-TTg, Nghị định số 168/2016/NĐ-CP. Ngoài quyền thừa kế, HGD có thể chuyển nhượng và thế chấp rừng để vay vốn ngân hàng.

Tuy nhiên, các chính sách này còn một số hạn chế liên quan đến trồng RSX của HGD như sau:

- Giao khoán rừng manh mún, nhỏ lẻ: Theo Tô Xuân Phúc và Trần Hữu Nghị (2014) thì mỗi HGD chỉ được giao trung bình 2 - 3 ha RSX. Diện tích rừng manh mún, nhỏ lẻ dẫn đến các hạn chế trong việc phát triển các khu rừng có diện tích lớn cùng đầu tư thâm canh có năng suất cao, đặc biệt là việc triển khai thực hiện QLRBV và chứng chỉ rừng.
- Thiếu đồng bộ giữa hệ thống Luật Lâm nghiệp và Luật Đất đai dẫn đến nhiều hạn chế trong việc quản lý, giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền SDD rừng cho HGD. Từ đó dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận quyền SDD cho các HGD trong thực tế còn chậm.
- Việc GDGR chưa được làm chính xác và đồng nhất giữa trên hồ sơ và trên thực địa, dẫn đến có sự chông chéo giữa các HGD, các tranh chấp, xung đột về đất đai thường xảy ra. Việc ứng dụng công nghệ hiện đại như ảnh vệ tinh, GIS để quản lý, số hóa hồ sơ đất của HGD còn nhiều hạn chế.

3.1.2. Chính sách khoa học công nghệ và khuyến lâm

Các chính sách KHCN và khuyến lâm liên quan đến rừng trồng sản xuất HGD được tổng hợp ở bảng 2.

Bảng 2. Chính sách KHCN và khuyến lâm liên quan đến rừng trồng HGD

| TT | Tên Văn bản, ngày ban hành | Nội dung liên quan đến rừng trồng HGD | Những mặt tích cực đối với trồng RSX HGD | Những mặt còn tồn tại |
|----|--|--|--|--|
| 1 | QĐ số 661/QĐ-TTg, ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng. | Bộ NN&PTNT chỉ đạo việc nghiên cứu tuyển chọn, lai tạo, nhập nội các giống cây rừng có khả năng thích nghi tốt, đạt hiệu quả cao và kỹ thuật trồng rừng thâm canh. | Tạo ra nhiều giống mới có năng suất cao phục vụ trồng RSX cho HGD. | Việc chuyển giao các giống có năng suất, chất lượng cao đến HGD còn hạn chế. |

| TT | Tên Văn bản, ngày ban hành | Nội dung liên quan đến rừng trồng HGD | Những mặt tích cực đối với trồng RSX HGD | Những mặt còn tồn tại |
|----|--|---|---|--|
| 2 | QĐ 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 về việc ban hành quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp | Quy định điều kiện sản xuất, thủ tục kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp và giám sát chuỗi hành trình giống. | Là cơ sở pháp lý để quản lý tốt và đảm bảo chất lượng nguồn giống trồng rừng cho HGD. | Triển khai kiểm tra chất lượng giống ở vườn ươm còn nhiều hạn chế. |
| 3 | Chỉ thị số 936/CT-BNN-TCLN ngày 18/3/2014 của Bộ NN&PTNT tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý nghiêm ngặt nguồn gốc giống từ khâu sản xuất đến khâu lưu thông; - Không cho phép sử dụng giống không rõ nguồn gốc; - Đẩy mạnh việc kiểm tra, đánh giá, phân loại các cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây lâm nghiệp chính. | Nâng cao chất lượng nguồn giống, đảm bảo giống trồng rừng của HGD có chất lượng tốt. | Việc triển khai, kiểm soát chất lượng giống; Tuyên truyền nâng cao nhận thức của HGD về sử dụng nguồn giống chất lượng cao còn hạn chế. |
| 4 | TT 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/ 2018 Quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính. | <ul style="list-style-type: none"> - Quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính. - Quy định việc công nhận giống và nguồn giống; - Quy định quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính. | Là cơ sở để nâng cao chất lượng nguồn giống phục vụ trồng rừng của HGD. | Quy định áp dụng và chế tài xử phạt chưa được thực hiện nghiêm trong thực tiễn. |
| 5 | NĐ số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp phải đáp ứng một số điều kiện cụ thể; - Sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp chính phải sử dụng vật liệu nhân giống từ giống, nguồn giống được công nhận; theo theo tiêu chuẩn quốc gia. | <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao chất lượng nguồn giống phục vụ trồng rừng; - Tăng cường quản lý giống sản xuất từ nuôi cấy mô đảm bảo nguồn giống chất lượng cao. | - Nhiều cơ sở sản xuất giống chưa chấp hành quy định về quản lý vật liệu giống dẫn đến chất lượng giống một số nơi chưa cao. |
| 6 | TT 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 Quy định về các biện pháp lâm sinh | HDKT trồng mới, trồng lại rừng, chăm sóc và nuôi dưỡng rừng trồng sản xuất. | HGD có thể tham khảo để áp dụng vào trồng rừng. | Không nêu chi tiết về mật độ, biện pháp kỹ thuật. |
| 7 | QĐ 2962/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/7/2019 của Bộ NN&PTNT Ban hành HDKT trồng rừng thâm canh gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn đối với loài cây keo lai và Keo tai tượng | Hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng thâm canh gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn đối với cây Keo lai và Keo tai tượng. | HGD có thể áp dụng để trồng rừng thâm canh gỗ lớn và chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn. | Mới chỉ yêu cầu áp dụng đối với HGD liên quan đến các chương trình, dự án có sử dụng nguồn vốn từ ngân sách. |
| 8 | NĐ 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của chính phủ về Khuyến nông và NĐ 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 về Khuyến nông | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước hỗ trợ thông tin tuyên truyền, đào tạo tập huấn và chuyển giao TBKT trồng rừng đến HGD; - Nhà nước hỗ trợ 30 - 100% chi phí mua giống, vật tư, phân bón để xây dựng mô hình trình diễn các giống mới, kỹ thuật mới. | <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển giao các TBKT, kết quả nghiên cứu đến các HGD; - Khuyến khích HGD áp dụng các giống mới, kỹ thuật trồng rừng thâm canh có năng suất cao thông qua kết quả mô hình trình diễn. | <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng dự án và mô hình trình diễn chưa nhiều; - Quy mô của các HGD tham gia còn nhỏ nên tính lan tỏa chưa lớn. |

Nhóm chính sách về KHCN và khuyến nông tác động đến HGĐ gồm 9 chính sách, bao gồm: 3 Nghị định của Chính phủ, 1 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 2 quyết định, 1 chỉ thị và 2 thông tư ban hành bởi Bộ NN&PTNT. Các chính sách này tập trung vào 2 nhóm chính là nghiên cứu, quản lý giống và khuyến lâm. Có thể điểm qua một số nét chính như sau:

- Về nghiên cứu tạo giống cây trồng RSX: Nhờ đầu tư mạnh mẽ từ nguồn vốn Dự án 661 giai đoạn 1998 - 2010 và sau này là các chương trình nghiên cứu trọng điểm về giống, công nghệ sinh học được Bộ NN&PTNT đầu tư mà hàng loạt các giống mới, có năng suất cao đã ra đời, được HGĐ sử dụng phổ biến để trồng rừng hiện nay như các giống keo lai (BV10, BV75, BV32, AH1, AH7,...), các giống bạch đàn UG24, CU98, CU82, PN54; Keo tai tượng: AM81, AM37,... nhiều giống đã được HGĐ sử dụng để trồng rừng.

- Về quản lý sản xuất giống: Để đảm bảo chất lượng nguồn giống trồng rừng, ngay từ năm 2005, Bộ NN&PTNT đã ban hành QĐ số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 về việc ban hành quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp. Tuy nhiên, do nhiều bất cập trong khâu quản lý sản xuất giống, vấn đề bản quyền giống chưa được quan tâm nên việc triển khai sản xuất giống cây trồng rừng trong thực tế còn nhiều bất cập, nhiều cơ sở sản xuất không tuân theo quy trình kỹ thuật, không tuân thủ yêu cầu về vật liệu giống, giống gốc,... nên cây giống sản xuất có chất lượng không cao, ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng rừng. Đặc biệt là nhận thức của HGĐ về vai trò của giống tốt chưa cao, nhất là đối với trồng rừng gỗ nhỏ chu kỳ ngắn, vì vậy các HGĐ thường mua giống trôi nổi trên thị trường, chất lượng thấp, không rõ nguồn gốc xuất xứ. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến vấn đề này như: i) Giá giống trôi nổi thấp hơn giá giống có chất lượng của các cơ sở sản xuất uy tín; ii) Người dân rất ít thông tin về địa chỉ bán giống có chất lượng cao; iii) Đa số các HGĐ trồng rừng gỗ

nhỏ, mật độ dày, chu kỳ ngắn (khoảng 5 năm), gỗ được mua để băm dăm nên yêu cầu chất lượng gỗ chưa được quan tâm, vấn đề chất lượng cây giống chưa bộc lộ rõ; iv) Việc siết chặt chất lượng nguồn giống mới chỉ được quan tâm ở các dự án sử dụng vốn ngân sách, công ty lâm nghiệp, đối với rừng trồng HGĐ tự đầu tư thì không có chế tài, quy định nào về kiểm soát nguồn giống. Đây cũng là lỗ hổng rất lớn cần được quan tâm khắc phục trong thời gian tới.

Năm 2014, Bộ NN&PTNT đã đánh giá công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và cho biết công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp còn nhiều bất cập, một số địa phương chưa kiểm soát được nguồn gốc, chất lượng giống; hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về giống cây trồng lâm nghiệp ở các cấp địa phương chưa chặt chẽ và thiếu thống nhất; quản lý chất lượng giống mới thực hiện được ở các đơn vị có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước; tỷ lệ các giống năng suất thấp, không rõ nguồn gốc đưa vào trồng rừng còn cao, nhiều cơ sở sản xuất giống không đủ điều kiện theo quy định; việc xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến quản lý chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp còn thiếu so với yêu cầu của thực tiễn. Trên cơ sở đó Bộ NN&PTNT đã ban hành Chỉ thị số 936/CT-BNN-TCLN ngày 18/3/2014 để tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp. Việc quản lý sản xuất giống ngày càng được siết chặt. Tuy nhiên, vẫn còn một khoảng trống rất lớn giữa thực trạng chất lượng giống sử dụng bởi các HGĐ và các yêu cầu về quản lý giống trong thực tiễn.

- Không những về giống mà về kỹ thuật thâm canh rừng của các HGĐ cũng chưa có chế tài quản lý và khuyến khích áp dụng. Bộ NN&PTNT đã ban hành Thông tư 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 Quy định về các biện pháp lâm sinh, và Quyết định 2962/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/7/2019 của Bộ

NN&PTNT Ban hành hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng thâm canh gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn đối với loài cây Keo lai và Keo tai tượng nhưng cũng chỉ yêu cầu HGD áp dụng khi sử dụng nguồn vốn trồng rừng từ ngân sách Nhà nước. Vì vậy, trong thực tiễn các HGD tự đầu tư trồng rừng vẫn tự quyết định biện pháp kỹ thuật theo kinh nghiệm và học hỏi từ các HGD xung quanh dẫn đến năng suất, chất lượng rừng chưa cao.

- Về Khuyến nông: Do các HGD ở khu vực miền núi ít có điều kiện tiếp cận với các TBKT mới trong sản xuất lâm nghiệp như các giống mới có năng suất cao, kỹ thuật trồng rừng thâm canh,... nên các dự án, chương trình khuyến lâm có ý nghĩa rất lớn trong việc chuyển giao, giới thiệu các TBKT trồng rừng đến các HGD. Thông qua đó các giống mới có năng suất cao đã được chuyển giao đến các HGD. Các giống mới và kỹ thuật mới cũng được nhân rộng thông qua hiệu quả của các

mô hình trình diễn và các lớp tập huấn nhân rộng mô hình. Tuy nhiên, do hạn chế về kinh phí, số lượng dự án và số lượng mô hình trình diễn nên các HGD còn ít được tiếp cận với các giống, kỹ thuật mới thông qua chương trình dự án khuyến nông.

Theo đánh giá của Tô Xuân Phúc và đồng tác giả (2020) thì việc thiếu thông tin khoa học kỹ thuật làm hạn chế việc tăng năng suất rừng trồng của hộ. Nhiều hộ gia đình trồng 3.000 - 4.000 cây/ha với suy nghĩ rằng mật độ cao sẽ làm tăng năng suất gỗ từ đó đem lại hiệu quả kinh tế cao. Kết quả là năng suất gỗ hộ đạt được chỉ khoảng 70 m³/ha, trong khi trồng đúng kỹ thuật với mật độ 1.600 cây/ha có thể đạt năng suất gỗ 120 - 130 m³/ha.

3.1.3. Chính sách tín dụng, đầu tư, thuế và phí

Các chính sách tín dụng, đầu tư, thuế và phí liên quan đến trồng RSX HGD được tổng hợp ở bảng 3.

Bảng 3. Chính sách tín dụng, đầu tư, thuế và phí liên quan đến trồng RSX HGD

| TT | Tên văn bản | Nội dung liên quan đến rừng trồng HGD | Những mặt tích cực đối với trồng RSX HGD | Những mặt còn tồn tại |
|----|--|--|---|---|
| 1 | QĐ số 147/QĐ-TTg, ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 - 2015 | - HGD ở các xã đặc biệt khó khăn, HGD dân tộc thiểu số trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc, quy hoạch là RSX được hỗ trợ mức 2 - 3 triệu đồng/ha; - HGD trồng rừng không thuộc đối tượng trên được hỗ trợ cây giống, khuyến lâm, mức hỗ trợ tối đa 1,5 triệu đồng/ha. | Hỗ trợ HGD trồng rừng sản xuất. | - Công tác quản lý giống chưa tốt nên chất lượng giống cấp cho người dân ở nhiều nơi chưa đảm bảo chất lượng; - Mức hỗ trợ còn thấp. |
| 2 | QĐ số 66/2011/QĐ-TTg ngày 9/12/2011 điều chỉnh, bổ sung 1 số Điều của QĐ số 147 | Hỗ trợ HGD trồng rừng ở địa bàn đặc biệt khó khăn: Trồng cây gỗ lớn, cây bản địa 4,5 triệu đồng/ha; cây gỗ nhỏ, tre, luồng 3 triệu đồng/ha. Địa bàn khác: tối đa 2,25 triệu đồng/ha. | Khuyến khích HGD nghèo trồng cây gỗ lớn, bản địa. | Do nhận thức chưa cao nên quy mô thực hiện chưa nhiều và hiệu quả chưa cao. |
| 3 | NĐ số 75/2015/NĐ-CP, ngày 09/09/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách BV&PTR, gắn với chính | - Hỗ trợ trồng RSX và phát triển LSNG: 5 - 10 triệu đồng/ha để mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công; | Hỗ trợ HGD kinh phí và vay vốn để trồng rừng sản | Điều kiện để vay vốn là HGD cần có thiết kế - dự toán trồng rừng, trong thực tế HGD rất |

| TT | Tên văn bản | Nội dung liên quan đến rừng trồng HGD | Những mặt tích cực đối với trồng RSX HGD | Những mặt còn tồn tại |
|----|--|--|--|--|
| | sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 | - HGD được Ngân hàng chính sách xã hội hoặc Ngân hàng NN&PTNT cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa là 15 triệu đồng/ha; Thời hạn trả gốc và lãi một lần khi khai thác chính. | xuất. | khó đáp ứng các yêu cầu này. |
| 4 | QĐ số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 về việc ban hành một số chính sách BV, PTR và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các Công ty Nông, lâm nghiệp | HGD trồng cây sản xuất gỗ lớn (khai thác sau 10 năm), cây đa mục đích, cây bản địa, mức hỗ trợ 8 triệu đồng/ha; trồng cây gỗ nhỏ (khai thác trước 10 năm) và cây phân tán (quy đổi 1.000 cây/ha), mức hỗ trợ 5 triệu đ/ha. | Hỗ trợ nguồn vốn đầu tư cho HGD trồng rừng sản xuất. | - Cây bản địa có chu kỳ dài, vốn hỗ trợ thấp nên chưa hấp dẫn HGD; - Yêu cầu về giao chứng nhận QSDD, giống phải có xuất xứ nhiều HGD khó đáp ứng. |
| 5 | QĐ 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 8/7/2013 về Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp | Tổ chức các hộ nông dân liên kết hợp tác trồng rừng theo mô hình tổ hợp tác/hợp tác xã để có thể cung cấp khối lượng gỗ đủ lớn hàng năm cho thị trường. | Thúc đẩy HGD liên kết nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng. | Thiếu các hỗ trợ, hướng dẫn cụ thể nên việc triển khai thành lập HTX lâm nghiệp còn chậm. |
| 6 | QĐ 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 Phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 | Thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi về thể chế để nông dân, HGD liên kết cùng doanh nghiệp tổ chức sản xuất lâm nghiệp quy mô lớn theo mô hình "cánh đồng lớn". | Khuyến khích HGD liên kết với doanh nghiệp để sản xuất theo chuỗi nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế | Thiếu các khuyến khích, ưu đãi và hướng dẫn cụ thể nên việc hình thành các mô hình liên kết còn nhiều hạn chế. |
| 7 | Luật Hợp tác xã (2012); Nghị định số: 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/ 2019 về Tổ hợp tác | - Các HGD có thể liên kết với nhau để thành lập HTX; HGD có thể là thành viên sáng lập HTX; - HGD có thể hợp tác với nhau để thành lập tổ hợp tác (không có tư cách pháp nhân). | HGD có thể thành lập các HTX, Tổ hợp tác để tham gia chuỗi liên kết với doanh nghiệp. | Thiếu các hỗ trợ triển khai nên số lượng HTX, tổ hợp tác lâm nghiệp rất ít (khoảng 100 HTX). |
| 8 | NĐ 209/2013/ NĐ-CP, ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng | Quy định sản phẩm trồng trọt bao gồm cả sản phẩm từ rừng trồng là đối tượng không chịu thuế (Điều 3). | Nâng cao lợi nhuận của HGD từ sản phẩm rừng trồng. | Thực tế gỗ rừng trồng HGD được sơ chế (xẻ ván, lạng bóc) ngay ở cửa rừng để nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ rừng trồng HGD, nhưng hoạt động này không được miễn giảm thuế. |
| 9 | TT 219/2013/ TT-BTC ngày 31/12/ 2013 hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT; TT26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế GTGT và quản lý thuế. | Sản phẩm rừng trồng chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường không thuộc đối tượng chịu thuế. | Nâng cao lợi nhuận của HGD từ sản phẩm rừng trồng. | |
| 10 | QĐ 5155/QĐ-BNN-TCLN ngày 01/12/2014 phê duyệt phương án quản lý sản xuất dăm gỗ giai đoạn 2014 - 2020 | Tăng thuế xuất khẩu dăm gỗ từ 0% lên 5 - 10%. Áp mức thuế GTGT 10% và thuế thu nhập doanh nghiệp 25% đối với doanh nghiệp sản xuất dăm gỗ. | Thúc đẩy HGD phát triển rừng trồng gỗ lớn, chu kỳ dài. | Tác động gián tiếp đến giá bán gỗ chế biến dăm của HGD. |

Có 12 chính sách liên quan tín dụng, đầu tư, thuế và phí liên quan đến trồng RSX HGD, bao gồm: 1 luật, 3 nghị định của Chính phủ; 4 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 2 quyết định của Bộ NN&PTNT và 2 thông tư của Bộ Tài chính. Có thể tóm tắt một số nét chính như sau;

- Trong thời gian qua đã có sự hỗ trợ mạnh mẽ từ nguồn vốn ngân sách cho các HGD đầu tư trồng rừng, chủ yếu là hỗ trợ về cây giống. Các hỗ trợ này đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ trồng RSX của các HGD, đặc biệt là trong giai đoạn đầu khi các HGD chưa nhìn nhận thấy hiệu quả kinh tế của rừng trồng để tự đầu tư trồng rừng. Từ nguồn hỗ trợ đầu tiên, bên cạnh những HGD tiếp tục nhận được hỗ trợ thì có nhiều HGD đã tự bỏ vốn đầu tư để trồng rừng ở các chu kỳ tiếp theo.

Tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ trên còn một số khoảng trống dẫn đến việc triển khai trong thực tế chưa đạt hiệu quả như mong đợi. Đối với điều kiện cho vay khi người dân có phương án trồng rừng được phê duyệt, trên thực tế rất khó định giá các tài sản này nên hầu hết việc triển khai vay vốn trồng rừng cho các HGD theo các ưu đãi kể trên khó thực hiện trong thực tiễn. Bên cạnh đó, chính sách đầu tư để phát triển trồng rừng gỗ lớn cũng cần được cải thiện. Trồng rừng gỗ lớn yêu cầu đầu tư lớn, chu kỳ dài, vòng quay vốn chậm. Trong khi các thủ tục vay vốn ngân hàng phức tạp và lãi suất cao (nếu vay từ các ngân hàng thương mại). Việc dự báo nhu cầu gỗ trong dài hạn và giá cả rất khó do rừng trồng gỗ lớn có chu kỳ khai thác dài. Vì vậy, việc triển khai thực hiện trồng rừng gỗ lớn ở các địa phương còn gặp nhiều khó khăn.

- Luật Hợp tác xã (2012), Nghị định số: 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 về Tổ hợp tác đã tạo ra hành lang pháp lý quan trọng để HGD có thể liên kết với nhau trong sản xuất, chế biến và hình thành các chuỗi liên kết nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng HGD. Do đặc điểm đất đai của HGD thường manh mún, nhỏ lẻ nên việc liên kết để nâng

cao hiệu quả kinh tế là nhu cầu tất yếu của các HGD. Nhà nước cũng có chủ trương khuyến khích hình thành các liên kết này, thể hiện ở Quyết định số: 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017. Tuy nhiên, còn thiếu các hỗ trợ và hướng dẫn cụ thể nên số lượng HTX lâm nghiệp hiện nay rất ít, khoảng hơn 100 HTX đang hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Gỗ rừng trồng HGD chưa qua chế biến không thuộc đối tượng chịu thuế là quy định thông thoáng và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển rừng trồng sản xuất của các HGD. Tuy nhiên, gỗ rừng trồng qua chế biến thành dăm gỗ thì phải chịu mức thuế 5 - 10%, được áp cao hơn mức 0% từ năm 2014. Ở thời điểm năm 2021 đang được áp thuế là 2%. Mức thuế xuất này không trực tiếp áp lên rừng trồng HGD nhưng lại có tác động làm giảm giá bán gỗ do đa số gỗ rừng trồng HGD ở nước ta được bán để băm dăm xuất khẩu. Hiện tại đã có nhiều ý kiến cho rằng cần tăng mức thuế dăm gỗ xuất khẩu lên 10%, tuy nhiên Bộ Tài chính chưa đồng ý với phương án này. Đánh giá về tác động của thuế dăm gỗ, Tô Xuân Phúc và đồng tác giả (2020) cho biết chính sách áp thuế dăm gỗ đã đem lại những tác động tiêu cực cho các hộ trồng rừng. Theo các tác giả thì thông tin chia sẻ từ đại diện một số doanh nghiệp dăm cho biết hầu hết chi phí phát sinh có liên quan đến thuế xuất khẩu dăm được hạch toán vào giá thành sản phẩm, với các hộ cung cấp gỗ nguyên liệu là những người phải chịu các chi phí phát sinh này. Tác giả cũng nhận định rằng áp dụng thuế xuất khẩu làm tổn hại đến lợi ích của nhóm yếu thế đó là các hộ trồng rừng. Trong tương lai, để tránh bị thiệt hại từ việc tăng thuế xuất khẩu dăm gỗ, các HGD cần xem xét chuyển sang trồng rừng gỗ lớn và gỗ có chứng chỉ quản lý rừng bền vững phục vụ ngành công nghiệp chế biến gỗ trong nước.

3.2. Chính sách của tỉnh Quảng Trị

Các chính sách liên quan đến rừng trồng sản xuất HGD ban hành bởi tỉnh Quảng Trị trong thời gian quan được tổng hợp ở bảng 4.

Bảng 4. Chính sách liên quan đến rừng trồng HGD ban hành bởi tỉnh Quảng Trị

| TT | Tên văn bản | Nội dung liên quan đến rừng trồng HGD | Những mặt tích cực đối với trồng RSX HGD | Những mặt còn tồn tại |
|----|---|---|---|--|
| 1 | NQ số 19/2012/NQ-HĐND ngày 17/8/2012 của HĐND tỉnh Quảng Trị về quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 của tỉnh Quảng Trị | <ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh giao rừng, cho thuê rừng và đất LN, thực hiện đồng bộ các CS đầu tư tín dụng, khuyến lâm,... - Ra soát, để giao đất, cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho HGD; - Chuyển một số diện tích rừng của tổ chức cho HGD. | <ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy quá trình GDGR và cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho HGD; - Bổ sung giao đất RSX cho HGD tạo điều kiện cho HGD trồng RSX. | Chưa triển khai được các chính sách về đầu tư, tín dụng để hỗ trợ HGD đầu tư trồng rừng. |
| 2 | QĐ số 2183/QĐ-UBND ngày 9/11/2012 của UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch, kế hoạch BV&PTR giai đoạn 2011 - 2020 của tỉnh Quảng Trị | <ul style="list-style-type: none"> - XD và ổn định vùng trồng rừng nguyên liệu thâm canh tập trung; - Tái cơ cấu mạng lưới sản xuất, chế biến lâm sản. | Đẩy mạnh công tác quản lý giống, loại bỏ vườn ươm yếu kém để tạo nguồn cung giống tốt cho HGD. | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống chế biến sâu chưa phát triển, HGD bán gỗ dăm là chủ yếu; - Chưa thu hút được đầu tư vào sản LN, đặc biệt là đầu tư liên kết với HGD. |
| 3 | QĐ 1817/QĐ-UBND ngày 9/10/2013 phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững | <ul style="list-style-type: none"> - Tái cơ cấu mạng lưới sản xuất, chế biến lâm sản; sắp xếp, phát triển tương xứng giữa nguồn nguyên liệu và công suất chế biến; - Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ HGD tham gia hợp tác sản xuất, liên kết thực hiện các mô hình theo hướng cánh đồng mẫu lớn. | <ul style="list-style-type: none"> - HGD có cơ hội mua được giống tốt, có chất lượng cao; - HGD có cơ hội nâng cao giá trị gia tăng gỗ rừng trồng từ các mô hình liên kết và đa dạng hóa cơ sở chế biến, thu mua gỗ rừng trồng. | <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có giải pháp cụ thể để tái cơ cấu mạng lưới cơ sở chế biến; vẫn chủ yếu là cơ sở chế biến dăm; - Nguồn lực hỗ trợ HGD trồng rừng gỗ lớn hạn chế nên hiệu quả chưa cao. |
| 4 | QĐ 2462/QĐ-UBND ngày 6/11/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị về đổi mới hình thức hợp tác trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2020 | Đến năm 2020: Cơ bản hình thành hệ thống các tổ hợp tác, HTX liên kết với các doanh nghiệp trong cung cấp dịch vụ đầu vào và bao tiêu sản phẩm đầu ra cho HGD trong các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; | Khuyến khích, thúc đẩy vào tạo điều kiện thuận lợi cho HGD tham gia thành lập THT, HTX trong lĩnh vực lâm nghiệp. | Chưa quan tâm phát triển HTX lĩnh vực lâm nghiệp; các mô hình HTX thí điểm trọng tâm chưa có lĩnh vực rừng trồng. |
| 5 | NQ số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND Quảng Trị về hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025 | <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Nâng cao năng suất rừng trồng keo lên trên 20 m³/ha/năm; - Ứng dụng KHCN trong sản xuất và trồng rừng, xây dựng cơ sở sản xuất giống có năng suất, chất lượng; - Hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng các chủ rừng. | <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao chất lượng cây giống trồng rừng HGD; - Có cơ chế hỗ trợ vốn cho HGD trồng rừng. | <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có kế hoạch và hỗ trợ cụ thể về cây giống chất lượng cao cho HGD; - Chưa có hướng dẫn hỗ trợ vay vốn cụ thể nên còn chậm triển khai được trong thực tiễn. |
| 6 | NQ số 29/2017/NQ-HĐND tỉnh ngày 14/12/2017 về quản lý sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị | Các công ty TNHH MTV Lâm nghiệp dành khoảng 15 - 20% diện tích có khả năng canh tác giao lại cho người dân địa phương. | <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung diện tích trồng rừng cho HGD; - Giải quyết tình trạng tranh chấp đất đai giữa HGD và công ty lâm nghiệp. | Vướng mắc trong thủ tục, quy trình thu hồi, bàn giao đất nên triển khai chậm. |
| 7 | QĐ 3359/QĐ-UBND ngày 5/12/2017 phê duyệt phương án rà soát phương án chuyển đổi đất RPH đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển RSX trên địa bàn tỉnh Quảng Trị | Chuyển đổi 18.013,4 ha RPH thành RSX để giao cho HGD. | Tạo thêm quỹ đất trồng RSX cho HGD. | Thiếu hướng dẫn trong quy trình chuyển giao đất nên triển khai chậm. |

| TT | Tên văn bản | Nội dung liên quan đến rừng trồng HGD | Những mặt tích cực đối với trồng RSX HGD | Những mặt còn tồn tại |
|----|--|--|--|---|
| 8 | Đề án số 1113/ĐA-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị (Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp) | - Xây dựng mô hình (XDMH) chuỗi giá trị liên kết trồng, tiêu thụ, chế biến; - Trồng rừng thâm canh và chuyển hóa rừng gỗ lớn; - Chuyển từ khai thác gỗ dăm gỗ sang khai thác gỗ lớn. | Hỗ trợ HGD thâm canh rừng, trồng rừng gỗ lớn, nâng cao hiệu quả rừng trồng thông qua mô hình liên kết. | Chưa có giải pháp cụ thể cho đối tượng HGD nên triển khai MH liên kết, trồng rừng gỗ lớn và thâm canh rừng còn chậm. |
| 9 | QĐ số 3116/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt đề án “Nâng cao chất lượng, phát triển giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến 2030 | Xây dựng và quản lý hệ thống sản xuất giống cây lâm nghiệp có chất lượng cao. | HGD có cơ hội tiếp cận với các giống có chất lượng cao, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, giống nuôi cấy mô. | - Khâu kiểm soát giống trồng rừng các HGD chưa được chú ý; - HGD vẫn mua giống tự do trên thị trường với chất lượng, giá thành thấp; - Năng lực sản xuất giống mô của tỉnh còn hạn chế. |
| 10 | QĐ 3570/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt đề án phát triển rừng trồng kinh doanh gỗ lớn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019 - 2025, định hướng đến năm 2030 | - Đến năm 2025, rừng gỗ lớn của HGD, cá nhân đạt 5.415,5 ha, - Vốn hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn 300 tỷ đồng. | - XDMH để người dân học tập; - Hỗ trợ kinh phí, hướng dẫn kỹ thuật các HGD trồng và chuyển hóa rừng trồng gỗ lớn; | 77,3% tổng nguồn vốn huy động ngoài ngân sách từ vốn doanh nghiệp, vốn vay,... trong khi liên kết HGD với doanh nghiệp còn yếu nên vốn hỗ trợ cho HGD còn thấp. |
| 11 | QĐ số 2814/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 về việc Ban hành đơn giá một số loài cây giống lâm nghiệp chủ yếu trên địa bàn tỉnh | Ban hành đơn giá cây giống trồng rừng cho từng loài cây gắn với tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể. Ví dụ: keo lai hom (1.500 đồng/cây); Keo lai mô (3.016 đồng/cây). | Tạo ra khung giá cây giống để các HGD có thể tham khảo khi mua giống trồng rừng. | Giá không bắt buộc áp dụng cho các vườn ươm tự do, các HGD. Giá mua cây giống của HGD thấp hơn rất nhiều so với giá quy định, ảnh hưởng đến chất lượng cây giống |

Qua bảng 4 ta thấy, tỉnh Quảng Trị đã ban hành khá nhiều các văn bản, chính sách kế hoạch có liên quan đến rừng trồng sản xuất HGD tỉnh Quảng Trị. Trong 11 văn bản có liên quan bao gồm: 3 nghị quyết của HĐND tỉnh; 7 quyết định của UBND tỉnh; 1 Đề án của UBND tỉnh. Có thể tóm tắt một số nét chính như sau:

- Thực hiện giao đất, giao rừng và thúc đẩy cấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng cho HGD.

- Rà soát, chuyển đổi rừng phòng hộ thành rừng sản xuất; bàn giao đất rừng sản xuất từ các công ty lâm nghiệp, Ban quản lý rừng cho địa phương để bàn giao cho các HGD.

- Về hỗ trợ đầu tư và tín dụng: Giai đoạn trước đây cũng đã có một số khoản hỗ trợ cho HGD trồng rừng được triển khai như: i) Dự án trồng rừng Việt - Đức (1997 - 2009): trồng mới được 7.674 ha rừng trồng các loại, đã giao đất, hỗ trợ vốn cho 5.238 hộ gia đình nông dân tham gia tại địa bàn 4 huyện/16 xã/80 thôn tham gia; ii) Dự án trồng rừng thay thế nương rẫy cho đồng bào dân tộc (2009 - 2012): Trồng mới 6.726 ha rừng sản xuất; hỗ trợ gạo cho người dân tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng. Trong giai đoạn gần đây, mặc dù tỉnh đã ban hành các chủ trương huy động nguồn vốn và tín dụng để hỗ trợ HGD, tuy nhiên, do thiếu hướng dẫn, nguồn vốn và các quy định cụ thể nên theo đánh giá của Sở NN&PTNT tỉnh

Quảng Trị (2017) thì việc triển khai trong thực tế hầu như chưa thực hiện được.

- Về nguồn vốn đầu tư, theo đánh giá của Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Trị (2020) thì trong giai đoạn 2016 - 2020, nguồn vốn đầu tư cho phát triển lâm nghiệp gồm khoảng 31,6 tỷ đồng/năm từ chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, vốn ngân sách TW; Kinh phí từ quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh khoảng 20 - 25 tỷ đồng; vốn ODA thực hiện dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA2),... Tuy nhiên, không có nguồn vốn đầu tư trồng rừng sản xuất cũng như vốn tín dụng cho các HGD vay vốn trồng rừng sản xuất.

- Các quy định, kế hoạch về quản lý, nâng cao chất lượng nguồn giống trên địa bàn tỉnh cũng ngày càng được hoàn thiện, theo hướng quản lý chặt chẽ chất lượng nguồn giống, hình thành hệ thống cung cấp giống có chất lượng cao trên địa bàn các huyện; hỗ trợ hình thành các trung tâm giống công nghệ cao, sản xuất cây giống từ nuôi cấy mô,... Từ đó tạo cơ hội cho các HGD được mua giống có chất lượng cao và nâng cao năng suất rừng trồng. Theo đánh giá của Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Trị (2020) thì nhờ việc chú trọng đến quản lý giống, chú trọng nguồn gốc và chất lượng giống, áp dụng kỹ thuật thâm canh mà năng suất rừng trồng của tỉnh đã tăng từ 60 - 70m³/ha (giai đoạn trước năm 2015) lên 90 - 100 m³/ha (giai đoạn năm 2020). Tuy nhiên do giống có chất lượng cao có giá cao hơn nhiều so với giống trôi nổi trên thị trường, lại không được trợ giá nên các HGD vẫn chọn giống trôi nổi, không kiểm soát được và không đảm bảo chất lượng.

- Về quản lý rừng trồng sản xuất, Sở NN&PTN tỉnh Quảng Trị (2020) khẳng định trách nhiệm quản lý, bảo vệ thuộc các chủ rừng, các cơ quan quản lý Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng. Để tuyên truyền kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn, tỉnh Quảng Trị đã phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp xây dựng thành công nhiều mô hình

trồng rừng gỗ lớn và chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn để làm mô hình trình diễn phục vụ tham quan, học tập cho người dân. Như vậy, có thể thấy khi các HGD tự đầu tư trồng rừng sản xuất được tự quyết định lựa chọn loài cây, kỹ thuật trồng và thời điểm khai thác nên các quy định chỉ mang tính chất hỗ trợ, không mang tính ràng buộc với HGD.

Tuy nhiên, việc không quản lý được kỹ thuật canh tác của HGD cũng đã nảy sinh bất cập. Tại xã Cam Tuyên (huyện Cam Lộ), người dân xã đã phản ánh tình trạng các HGD trồng rừng theo phương thức dùng cơ giới san, gạt và mức lỗ làm mất phần phong hóa bảo vệ mặt đất rừng, khi mưa xuống gây hiện tượng trôi phân đất màu trên bề mặt, đồng thời đây là nguyên nhân gây sạt lở, thiếu tính bền vững trong việc phát triển rừng sản xuất. Theo Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị (2021) thực trạng hiện nay, đa số người dân tổ chức trồng rừng đều sử dụng phương thức cơ giới san, gạt, mức lỗ và đốt thực bì sau khai thác. Đây là những biện pháp canh tác thiếu bền vững, gây nên tình trạng rửa trôi, xói mòn, sa mạc hóa đất một cách nhanh chóng, đặc biệt đối với những diện tích trồng rừng trên đất dốc nhưng không có các biện pháp bảo vệ, chống xói mòn. Hậu quả sẽ làm cho đất đai ngày càng nghèo kiệt, mất hết tầng canh tác và phá vỡ kết cấu đất, đẩy nhanh quá trình phong hóa, là nguyên nhân dẫn đến khô hạn, thiếu nước vào mùa hè và sạt lở đất vào mùa mưa. Do thiếu các quy định, chế tài cụ thể đối với kỹ thuật trồng rừng của HGD nên việc yêu cầu các HGD thực hiện canh tác, sản xuất bền vững còn thiếu cơ sở.

- Các chủ trương về phát triển công nghiệp chế biến, xây dựng các mô hình liên kết giữa HGD và doanh nghiệp cũng chỉ dừng lại ở chủ trương, thiếu các chương trình cụ thể trong thực tế. Vì vậy, việc triển khai các mô hình liên kết trong thực tế còn ít và các HGD vẫn chủ yếu bán gỗ đăm. Việc thúc đẩy các mô hình liên kết giữa HGD trồng rừng và doanh nghiệp cũng còn rất hạn chế.

3.3. Bước đầu đề xuất một số định hướng sửa đổi các chính sách và giải pháp thúc đẩy phát triển, nâng cao năng suất, hiệu quả rừng trồng sản xuất HGD

Dựa trên các kết quả rà soát, đánh giá trên, bước đầu đề xuất định hướng sửa đổi các chính sách và giải pháp thúc đẩy phát triển, nâng cao năng suất, hiệu quả rừng trồng sản xuất HGD như sau:

Bảng 5. Đề xuất định hướng sửa đổi chính sách và giải pháp thúc đẩy phát triển, nâng cao năng suất, hiệu quả rừng trồng sản xuất HGD

| Các rào cản | Các lựa chọn chính sách | Các khuyến nghị và giải pháp | Trách nhiệm thực hiện |
|---|---|---|--|
| 1. Nhóm chính sách về đất đai và hưởng dụng rừng | | | |
| Diện tích đất trồng RSX của HGD nhỏ, HGD thường chỉ trồng rừng gỗ nhỏ để nhanh có thu nhập và tránh rủi ro | Bổ sung diện tích đất rừng trồng sản xuất cho HGD | Rà soát diện tích đất của công ty lâm nghiệp, Ban QLR sử dụng không hiệu quả; diện tích UBND xã quản lý chuyển đổi sang RSX để giao cho HGD. | Bộ NN&PTNT, Sở NN&PTNT, Sở TN&MT, Các công ty lâm nghiệp, Ban QLR |
| Diện tích rừng trồng của nhiều HGD chưa có GCNQSDĐ hoặc trong tình trạng tranh chấp đất đai | - Đẩy nhanh việc GDGR, gắn với cấp GCNQSDĐ. - Giải quyết tranh chấp đất RSX liên quan đến HGD. | - Rà soát, cấp GCNQSDĐ RSX cho HGD; - Giải quyết dứt điểm tranh chấp đất trồng rừng HGD; tăng cường quản lý bằng hệ thống CNTT. | Tổng cục Lâm nghiệp (TCLN), Sở TNMT, Sở NN&PTNT, Chi cục Kiểm lâm các tỉnh |
| Diện tích đất trồng rừng của HGD manh mún, nhỏ lẻ, phân tán dẫn đến khó đầu tư thâm canh, trồng rừng gỗ lớn | Hỗ trợ chuyển đổi diện tích đất trồng rừng giữa các HGD. | Xây dựng các giải pháp, chương trình hỗ trợ các HGD làm thủ tục chuyển đổi diện tích đất trồng rừng. | Sở NN&PTNT, Chi cục Kiểm lâm các tỉnh |
| 2. Nhóm chính sách Khoa học công nghệ và khuyến lâm | | | |
| Các HGD canh tác chưa bền vững (phát đốt thực bì, làm đất cơ giới dẫn đến xói mòn đất) | Xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật, yêu cầu tối thiểu đối với rừng trồng HGD. | Ban hành các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu bảo vệ môi trường tối thiểu khi trồng, khai thác rừng do HGD đầu tư. | TCLN, Sở NN&PTNT |
| Nhận thức của HGD về vai trò giống và kỹ thuật thâm canh rừng | Đẩy mạnh hoạt động khuyến lâm để tuyên truyền, nâng cao nhận thức của HGD. | Tăng cường tổ chức tập huấn, tăng cường số lượng mô hình trình diễn về giống mới, thâm canh rừng. | Trung tâm KN QG và Trung tâm Khuyến nông các tỉnh |
| HGD chưa tiếp cận được nguồn giống có chất lượng cao | Tăng cường nguồn giống chất lượng cao cho HGD. | Ban hành yêu cầu về quản lý, truy suất giống trồng rừng HGD; | Bộ NN&PTNT, Sở NN&PTNT các tỉnh |
| | | Tăng cường kiểm soát chất lượng giống trên thị trường | Sở NN&PTNT, Chi cục Kiểm lâm |
| | | Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của HGD về vai trò của giống tốt; | Sở NN&PTNT, Chi cục Kiểm lâm |
| | | XDMH liên kết giữa nhóm hộ với cơ sở cung cấp giống có chất lượng cao; thực hiện trợ giá để HGD mua giống chất lượng cao | Hội chủ rừng, HTX; các doanh nghiệp sản xuất giống |
| 3. Chính sách tín dụng, đầu tư, thuế và phí | | | |
| Các rủi ro từ bão khi chu kỳ kinh doanh kéo dài | Bảo hiểm rừng trồng có CCR cho HGD | Xây dựng các gói bảo hiểm cho rừng trồng gỗ lớn, rừng có CCR do các cơ sở chế biến, tiêu thụ gỗ, các tổ chức tín dụng hỗ trợ. | TCLN, Sở NN&PTNT, Ngân hàng CSXH, các doanh nghiệp chế biến gỗ, Tổ chức bảo hiểm |
| Hạn chế trong việc tiếp cận với các khoản vay, tín dụng để trồng rừng | Tạo điều kiện để HGD tiếp cận các khoản tín dụng vay trồng rừng | - Lồng ghép tín dụng trồng rừng vào các chương trình tái cơ cấu ngành, nông thôn mới. - Đơn giản hóa các thủ tục vay vốn trồng rừng cho HGD. | Ngân hàng NN&PTNT, Ngân hàng CSXH, các tổ chức tài chính, các HTX trồng rừng |

IV. KẾT LUẬN

Trong thời gian qua ở cấp Trung ương có 35 chính sách được ban hành liên quan đến phát triển rừng trồng sản xuất HGĐ theo 3 nhóm: Chính sách đất đai và hưởng dụng rừng (14 văn bản); Chính sách khoa học công nghệ và khuyến lâm (9 văn bản); Chính sách tín dụng, đầu tư, thuế và phí (12 văn bản). Các chính sách này đã có nhiều hỗ trợ, thúc đẩy trồng rừng sản xuất hộ gia đình như: giao đất, giao rừng sản xuất và hỗ trợ kinh phí để hộ gia đình trồng rừng; tạo cơ chế để các HGĐ nhận giao, khoán rừng và đất rừng sản xuất và hưởng lợi, chia sẻ lợi ích từ việc giao khoán; nghiên cứu tạo ra nhiều giống mới có năng suất, chất lượng cao và đưa vào sản xuất để các HGĐ lựa chọn sử dụng trồng rừng; xây dựng các mô hình trình diễn, các khóa tập huấn, tuyên truyền, nâng cao năng lực để HGĐ tiếp cận với các giống mới, kỹ thuật trồng rừng thâm canh; tăng cường kiểm soát, quản lý giống nhằm nâng cao chất lượng nguồn giống cung cấp cho HGĐ; tạo hành lang, cơ sở pháp lý cho các mô hình liên kết, hợp tác sản xuất giữa HGĐ và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị,... Kết quả là đến nay có khoảng 1,87 triệu ha rừng trồng trên cả nước đang được các HGĐ quản lý, đầu tư và hưởng lợi. Thu nhập từ rừng trồng góp

phần quan trọng vào việc cải thiện sinh kế, xóa đói giảm nghèo cho các HGĐ, đặc biệt ở vùng miền núi. Tuy nhiên các chính sách này còn nhiều khoảng trống cần phải được cải thiện trong thời gian tới như diện tích đất đai của HGĐ manh mún, nhỏ lẻ, thiếu sự liên kết giữa HGĐ và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, HGĐ còn sử dụng giống chưa được kiểm soát chất lượng, nguồn gốc và chủ yếu trồng rừng gỗ nhỏ, còn ít quan tâm đến trồng rừng thâm canh gỗ lớn,...

Quảng Trị là tỉnh đặc biệt quan tâm đến sản xuất lâm nghiệp, trong đó có phát triển rừng trồng HGĐ. Trong thời gian qua tỉnh cũng đã ban hành 11 văn bản có liên quan đến phát triển rừng trồng HGĐ, bao gồm 3 nghị quyết của HĐND tỉnh, 7 quyết định của UBND tỉnh; 1 đề án của UBND tỉnh. Các chính sách này đã tạo điều kiện thuận lợi để phát triển RSX HGĐ trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, cũng cần có các cải thiện trong thời gian tới như tăng cường kiểm soát chất lượng nguồn giống, tăng cường quản lý, giám sát hoạt động trồng rừng của HGĐ đảm bảo các yêu cầu về môi trường, tăng cường liên kết giữa HGĐ với các doanh nghiệp chế biến, sản xuất giống, đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ NN&PTNT, 2021. Quyết định số 1558/QĐ-BNN-TCLN ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2020.
2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị, 2020. Kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Quảng Trị.
3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị, 2021. Báo cáo số 88/BC-SNN ngày 31/3/2021 Về việc trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri tại kỳ họp thứ 19, Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VII.
4. Tô Xuân Phúc và Trần Hữu Nghị. 2014. Báo cáo Giao đất giao rừng trong bối cảnh tái cơ cấu ngành lâm nghiệp: Cơ hội phát triển rừng và cải thiện sinh kế vùng cao. Tropenbos International Viet Nam, Huế, Việt Nam.
5. UBND tỉnh Quảng Trị, 2017. Đề án số 1113/ĐA-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị: Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025.

Email tác giả liên hệ: nhtiep.vfco@gmail.com

Ngày nhận bài: 17/12/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/12/2021

Ngày duyệt đăng: 22/12/2021